

Tuần: 21

Tiết:

Dạy lớp: 6a5,6a6,6a7,6a8

Ngày soạn:

Ngày dạy: 03/02/2021

Chủ đề : QUẢ VÀ HẠT (4 tiết)

Tiết 4 : NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Nêu được các điều kiện cần cho sự nảy mầm của hạt (nước, nhiệt độ...).
- Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kỹ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.

2. Kỹ năng:

- Làm thí nghiệm về những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs yêu thích bộ môn.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị H: 35.1, bảng phụ.

- Hs: Làm trước thí nghiệm về điều kiện nảy mầm của hạt (H: 35.1).

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

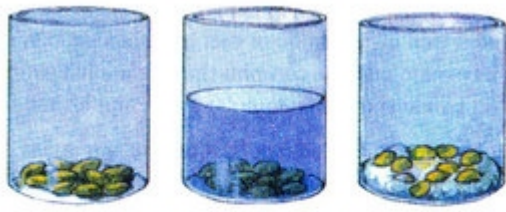
H: Sự phát tán là gì? Có những loại phát tán nào của quả, hạt ?

H: Đặc điểm của các loại phát tán trên?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: Hạt giống sau khi thu hoạch được phơi khô và bảo quản cẩn thận, có thể giữ trong 1 thời gian dài mà không có gì thay đổi. Nhưng nếu đem gieo hạt đó vào đất thoáng và ẩm hoặc tưới ít nước thì hạt sẽ nảy mầm. Vậy hạt nảy mầm cần những điều kiện gì?

GV: Ghi tên bài lên bảng.

Hoạt động của giáo viên và học sinh			Nội dung bài học
Hoạt động 1: Tìm hiểu những đ.k cần cho hạt nảy mầm. Gv: Kiểm tra sự chuẩn bị T.N của các nhóm. Treo hình: 35.1, giới thiệu tranh ... Treo bảng phụ (bảng kết quả sgk):			1. <u>Thí nghiệm về những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.</u>
			a. <u>Thí nghiệm 1:</u> (sgk)
			
			Cốc 1 Cốc 2 Cốc 3
			Hình 35.1. Thí nghiệm về điều kiện cần cho hạt nảy mầm
St	Điều kiện thí nghiệm	Kết quả thí nghiệm (số hạt nảy mầm)	
1	10 hạt đỗ đen để khô.		
2	10 hạt ngâm ngập trong nước.		
3	10 hạt đỗ đen		

đề trên bông
ấm.

H: Yêu cầu báo cáo kết quả vào
bảng trên ?

-Hs: Quan sát, cử đại diện nhóm lên
bảng. Các nhóm còn lại nộp bảng
báo cáo lại cho GV.

-Gv: Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung ...
Thu bảng báo cáo các tổ nhận xét
bổ sung: Cốc 1: không nảy mầm.
Cốc 2: chỉ nứt vỏ, không lên mầm.
Cốc 3: cả 10 hạt nảy mầm.

H: Vậy hạt đỗ ở cốc nào nảy mầm ?

H: Vì sao hạt đỗ ở những cốc khác
không nảy mầm ?

Vì cốc 1 không có nước; cốc 2 nhiều
nước bị ngập không có không khí.

H: Vậy kết quả T.N cho ta biết hạt nảy
mầm cần có những điều kiện gì ?

Cần nước, không khí .

-Hs: Trả lời.... Gv: Nhận xét, bổ sung
...

-Gv: Tiếp tục cho hs nghiên cứu T.N 2:
Làm tương tự như cốc thứ 3 nhưng để
vào hộp xốp đựng nước đá 3 đến 4
ngày:

H: Hạt đỗ trong cốc này có nảy mầm
được không? Vì sao?

Vì nhiệt độ không thích hợp.

-Hs: Trả lời...

-Gv: Nhận xét: Yêu cầu hs đọc t.tin
sgk....

H: Ngoài Đ.K: Nước, không khí thì hạt
cần những đ.k nào nữa ?

Hs: Còn phụ thuộc vào chất lượng hạt.

-Gv: Cho Hs nhận xét, gv liên hệ thực tế,
bổ sung.

H: Qua vd 1,2 thì những đ.k nào cần cho
hạt nảy mầm? Hs: trả lời, chốt
nội dung...

Hoạt động 2: Những hiểu biết về đ.k
nảy mầm của hạt được vận dụng như thế
nào trong sản xuất.

-Gv: Cho hs lần lượt giải thích:

H: Sau khi gieo hạt gặp mưa to, đất ngập
úng thì phải tháo nước ngay?

H: Phải làm đất tơi, xới trước khi gieo
hạt?

b. Thí nghiệm 2: (sgk)

* Kết luận: Những điều kiện cần cho hạt
nảy mầm: Đủ nước, không khí, nhiệt độ
thích hợp, hạt giống phải có chất lượng
tốt.

**2. Những hiểu biết về đ.k nảy mầm của
hạt được vận dụng như thế nào trong
sản xuất.**

- Sau khi gieo hạt gặp mưa to, đất ngập
úng thì phải tháo nước ngay.
- Phải làm đất tơi, xới trước khi gieo hạt.
- Khi trời rét phải ủ rơm rạ cho hạt.
- Phải gieo hạt đúng thời vụ.
- Phải bảo quản tốt hạt giống.

H: Khi trời rét phải ủ rơm rạ cho hạt ?
H: Phải gieo hạt đúng thời vụ?
H: Phải bảo quản tốt hạt giống?
-Hs: Lần lượt trả lời... Gv: Nhận xét, bổ sung.

4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.

- GV: những điều kiện cần cho hạt nảy mầm là:

a/ Nước và không khí

b/ Nhiệt độ và độ ẩm

c/ Chất lượng hạt

d/ Cả a, b, c

- HS: d

- GV: Những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng như thế nào trong sản xuất?

- HS: Gieo hạt bị mưa ngập -> tháo nước để thoáng khí.

Phải bảo quản tốt hạt giống

Làm đất tơi xốp

Phải ủ rơm khi trời rét

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr115

- Đọc phần “Em có biết”

- Nghiên cứu bài 36, trả lời các câu hỏi sau:

+ Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa thể hiện như thế nào?

+ Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa thể hiện như thế nào?

V. Rút kinh nghiệm:

Tuần: 22

Ngày soạn: 06/02/2021
Ngày dạy: 06/02/2021
Dạy lớp: 6a5,6a6,6a7,6a8

Chủ đề :

TỔNG KẾT CÂY CÓ HOA (2 tiết)

I. Mục tiêu bài học:

1. **Kiến thức:** - Hệ thống hóa kiến thức về cấu tạo và chức năng chính của các cơ quan của cây xanh có hoa.

- Tìm được mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và các bộ phận của cây tạo thành cơ thể toàn vẹn.

2. **Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng nhận biết, phân tích, hệ thống hóa kiến thức.

3. **Thái độ:**

- Giáo dục hs yêu và bảo vệ thực vật.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị H: 36.1; bảng phụ.

- Hs: Đọc trước bài 36.

IV. Tiến trình lên lớp:

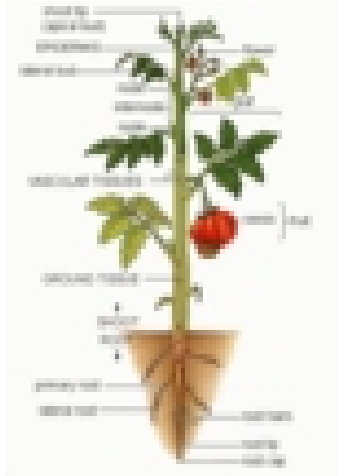
1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa. -Gv: Cho hs nghiên cứu câu lệnh trong sgk... Treo bảng phụ cho hs quan sát:	I. <u>Cây là một thể thống nhất.</u> 1. <u>Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa.</u>
<i>Các chức năng chính của mỗi cơ quan</i>	<i>Đặc điểm chính về cấu tạo</i>
1. Bảo vệ hạt và góp phần phát tán hạt.	a. Có t.bào biểu bì kéo dài thành lông hút.
2. Thu nhận ánh sáng để chế tạo chất hữu cơ cho cây. Trao đổi khí với m.t bên ngoài và thoát hơi nước.	b. Gồm nhiều bó mạch gỗ và mạch rây.
3. Thực hiện thụ phấn, thụ tinh, kết hạt tạo quả.	c. Gồm vỏ quả và hạt.
4. Vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá và chất hữu cơ từ đến tất cả các bộ phận khác của cây.	d. mang các hạt phấn chứa t.b.s.d đực và noãn chứa t.b.s.d cái.
5. Nảy mầm thành cây con, duy trì và phát triển	e. Những tế bào vách mỏng chứa chứa

nồi giống.	nhiều lục lạp, trên lớp t.b biểu bì có những lỗ khí đóng mở được.
6. Hấp thụ nước và các muối khoáng.	g. Gồm vỏ phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.
* Hãy sắp xếp các đ.đ cấu tạo phù hợp với từng chức năng của chúng? Vd: c1;;;.....;.....;..... -Hs: Thảo luận nhóm, lần lượt lên bảng hoàn thành đáp án. -Gv: Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung... <u>Đáp án đúng</u>: a6; b4; c1; d3; e2; g5. -Gv: Tiếp tục treo tranh: 36.1 yêu cầu hs quan sát và trình bày: - Tên các cơ quan của cây có hoa. - Đặc điểm cấu tạo chính (điền chữ cái). - Các chức năng chính (điền chữ số). -Hs: Lên bảng trình bày trên tranh... -Gv: Nhận xét, sửa sai, tổng kết trên tranh. -Gv: Cho hs trả lời: H: Các cơ quan sinh dưỡng có cấu tạo như thế nào? Và chức năng gì? H: Các cơ quan sinh sản có cấu tạo và chức năng gì? H: Nhận xét về mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ? -Hs: Trả lời... Gv: Nhận xét, bổ sung chốt lại kiến thức. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa. Gv: Giọng 1 đến 2 hs đọc to thông tin sgk. -Hs: Đọc thông tin, ghi nhận kiến thức, trả lời: H: Giữa các cơ quan của cây có hoa có mối quan hệ như thế nào? -Hs: Trả lời... Gv: <u>Lấy Vd</u> về mối quan hệ giữa các cơ quan của cây có hoa như rễ hút nước thì lá mới quang hợp và ngược lại... Để thấy chúng quan hệ mật thiết và ảnh hưởng lẫn nhau...	 * Cây có hoa có nhiều cơ quan, mỗi cơ quan đều có cấu tạo phù hợp với chức năng riêng của chúng. 2. Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa. Các cơ quan của cây xanh liên quan mật thiết và ảnh hưởng tới nhau.

4/Củng cố:

- GV cho HS giải trò chơi ô chữ.

- HS giải như sau:

Hàng ngang 1/ nước 2/ thân 3/ Mạch rây 4/ Quả hạch 5/ Rễ móc 6/ Hạt 7/ Hoa
8/ Quang hợp .

Hàng dọc: cây có hoa.

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr117
- Nghiên cứu bài tổng kết về cây có hoa (tt), trả lời các câu hỏi sau:
 - + Cây sống ở nước có đặc điểm gì?
 - + Cây sống trên cạn có đặc điểm gì?
 - + Cây sống trong môi trường đặc biệt có đặc điểm gì?

V. Rút kinh nghiệm:

Tuần: 22

Ngày soạn:

Dạy lớp: 6a5,6a6,6a7,6a8

Ngày dạy:

TỔNG KẾT CÂY CÓ HOA (tiếp theo)

I. Mục tiêu bài học:

- Kiến thức:**
 - Hs biết được cây xanh và môi trường có mối liên quan chặt chẽ.
 - Biết được khi điều kiện sống thay đổi thì cây xanh biến đổi thích nghi với đời sống.
 - Thực vật thích nghi với điều kiện sống nên phân bố rộng rãi.
- Kỹ năng:**
 - Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.
- Thái độ:**
 - Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: 36.2 đến 36.5 (sgk).
- Hs: Tìm hiểu trước những TV sống ở cạn, nước, sa mạc...

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS.

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

H: Cây có những loại cơ quan nào? Chúng có chức năng gì?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: - Gv: Giới thiệu bài mới ...

- GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu cây với môi trường nước. -Gv: Treo tranh cho hs quan sát H: 36.2; 36.3 yêu cầu hs thảo luận nội dung: H: Quan sát nhận xét lá ở 2 môi trường trên (trên mặt nước và dưới mặt nước) ? Tại sao?	II. <u>Cây với môi trường.</u> 1. <u>Các cây sống dưới nước.</u>

H: Cây bèo tây có cuống phình to, nhẹ, xốp. Điều này giúp gì cho cây khi sống trên mặt nước?

H: Quan sát H: 36.3 so sánh cuống lá ở hA có gì khác với hB? Giải thích tại sao?

-Hs: Thảo luận, trả lời

-GV: Nhận xét, bổ sung:

1 Lá trên mặt nước to, lá dưới mặt nước nhỏ. Vì có hình dạng biến đổi để thích nghi với đ.k sống.

2 Giúp cây bèo sống trôi nổi trên mặt nước.

3 Cuống lá hA to hơn hB, Tại vì phình to chứa không khí giúp cây nổi trên mặt nước.

-Gv: Qua sự biến đổi và khác nhau của một số đặc điểm trên nhằm mục đích gì?

-Hs: Nhằm thích nghi với môi trường sống...

-Gv: Cho hs liên hệ thực tế lấy VD cây có những đ.đ thích nghi với môi trường nước...

Hoạt động 2: Tìm hiểu các cây sống trên cạn.

-Gv: Cho hs tìm hiểu thông tin sgk, trả lời:

H: Tại sao cây mọc nơi đất khô, nắng, gió nhiều thì thường có rễ ăn sâu rộng, nông, nhiều cành, lá thường có lông sáp phủ ngoài ?

H: Tại sao cây sống nơi ẩm, râm mát thường vươn cao hơn, cành tập trung ở ngọn ?

-Hs: Trả lời theo sự hiểu biết trong thực tế...

-Gv: Nhận xét, bổ sung:

Bộ rễ ăn rộng để lấy nước và hút sương đêm, lá có lông để giảm bớt sự thoát hơi nước...

Cây sống nơi ẩm thường vươn cao để lấy ánh sáng, vì nơi đây ít ánh sáng....

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số cây sống ở môi trường đặc biệt.



- Các cây sống dưới nước thường có đặc điểm: Lá to, xốp, nhẹ thích nghi với lối sống trôi nổi .

-VD: Cây sen, cây súng, cây rong đuôi chó ...

2. Các cây sống trên cạn.

-Các cây sống trên cạn thường có đặc điểm: Rễ ăn sâu hoặc lan rộng, cây thẳng đứng, nhiều cành...

-VD: Cây phượng, cây mít, cây thông...

-Gv: Yêu cầu hs quan sát H: 36.4; 36.5: H : Bộ rễ cây Đước có tác dụng gì ? H: Cây xương rồng mọng nước, cây cỏ có rễ dài, điều đó có tác dụng gì ? -Hs: Trả lời.... -Gv: Liên hệ thực tế bổ sung cho hs nắm rõ kiến thức ...	3. <u>Cây sống trong những môi trường đặc biệt.</u> -Cây Đước sống nơi đầm lầy. -Cây Xương rồng sống nơi sa mạc... * Nhờ khả năng thích nghi đó mà cây có thể phân bố rộng rãi khắp trên trái đất ...
--	--

4/Củng cố:

- Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.
- GV: Cây sống dưới nước có đặc điểm gì? Cho ví dụ.
 - HS: Các cây sống dưới nước có lá biến đổi để thích nghi với môi trường sống trôi nổi, chứa không khí giúp cây nổi.
 - VD: Súng trắng, rong đuôi chó.
 - GV: nhóm cây sống trong môi trường đặc biệt là:
- a/ sù, vẹt, đước
- b/ Rong đuôi chó, bèo tây
- c/ Sen, súng
- d/ Xương rồng, rong đuôi chó.
- HS: a

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài
- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr121
- Đọc phần “Em có biết”
- Nghiên cứu bài 37, trả lời các câu hỏi sau:
- + Tảo xoắn và rong mơ có đặc điểm cấu tạo như thế nào?
- + Vai trò của tảo là gì?

V. Rút kinh nghiệm:
